TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1010/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thạch Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Hồ;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1973;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A Đường số A, Ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đặng L, sinh năm 1965;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: Số 164 Đường số 01, Ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 04/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đặng L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng 05 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Ông L đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, không cùng bà lo kinh tế và không tôn trọng

bà, thường có lời lẽ xúc phạm. Bà đã khuyên ông L nhiều lần để cùng nhau xây dựng gia đình, chăm sóc con cái nhưng ông L vẫn không thay đổi. Hiện bà và ông L ly thân khoảng hơn 06 năm. Nay bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/7/2000 và Nguyễn Thái D1, sinh ngày 03/6/2005. Tất cả con chung đã trưởng thành nên bà D không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác định không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Đặng L thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đặng L; về con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/7/2000 và Nguyễn Thái D1, sinh ngày 03/6/2005, tất cả con chung đã trưởng thành nên bà D không có yêu cầu; tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 04/01/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đặng L; bà và ông L có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/7/2000 và Nguyễn Thái D1, sinh ngày 03/6/2005, tất cả con chung đã trưởng thành nên bà D không có yêu cầu; tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Đặng Lộc cư trú tại Số A Đường số A, Ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Đặng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt ông L theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Đặng L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/1999 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/1999, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà D, bà và ông Nguyễn Đặng L tự nguyện chung sống năm 1999, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng 05 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Ông L đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, không cùng bà lo kinh tế và không tôn trọng bà, thường có lời lẽ xúc phạm. Bà đã khuyên ông L nhiều lần để cùng nhau xây dựng gia đình, chăm sóc con cái nhưng ông L vẫn không thay đổi. Hiện bà và ông L ly thân khoảng hơn 06 năm. Nay bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Xét ông L không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy ông L không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà D cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông L là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà D xác định bà và ông L có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/7/2000 và Nguyễn Thái D1, sinh ngày 03/6/2005. Tất cả con chung đã trưởng thành nên bà D không có yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đặng L vắng mặt. Do đó, nếu ông L có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Đặng L.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 54/1999 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/1999 cho bà D và ông L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Đặng L có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/7/2000 và Nguyễn Thái D1, sinh ngày 03/6/2005. Tất cả con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0019244 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thạch Vũ